

Số: 1854/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Đường vành đai khu trung tâm phần mềm và Công viên khoa học thuộc Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng sáng tạo Quy Nhơn) tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ bồi thường, GPMB các dự án tại Khu Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn;

Theo Công văn số 1108/UBND-VX ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh về chủ trương cho áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh đối với các dự án tại Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng sáng tạo Quy Nhơn);

Xét đề nghị của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 119/TTr-HĐBT ngày 17/5/2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 409/TTr-STNMT ngày 28/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân có đất nông nghiệp bị thu hồi và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 03 hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB dự án Đường vành đai khu trung tâm phần mềm và Công viên khoa học thuộc Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng sáng tạo Quy Nhơn) tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn (Đợt 3), với các nội dung cụ thể như sau:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **874.367.748 đồng** (Tám trăm bảy

mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng), trong đó:

+ Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 855.545.741 đồng.

+ Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 17.110.915 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 1.711.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường (70%) là 1.198.000 đồng).

+ Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 1.711.092 đồng.

(Kinh phí dự phòng này nếu không sử dụng thì thực hiện hoàn trả lại ngân sách theo quy định).

- Nguồn vốn chi trả: Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2.

1. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất tạm ứng ngân sách tỉnh để kịp thời chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do GPMB dự án nêu trên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *Thủy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP QT;
- Lưu: VT, K7, K16. *8/11*



Trần Châu



Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠT VẬT DẠT ĐAI, CÂY CỎI BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI KHU TRUNG TÂM PHÂN MỀM VÀ CÔNG VIÊN KHOA HỌC THUỘC KHU ĐÔ THI KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC QUY HÒA (THUNG LŨNG SÁNG TẠO QUY NHƠN) TỈNH PHÚ YÊN 2. PHƯỜNG GHỀNH RÁNG, TP QUY NHƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 03 / 6 /2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
			Bồi thường đất	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Tổng
I	Đối với 07 hộ dân bị thu hồi diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng							
1	Phạm Ngọc Hạnh	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	27.272.700	3.121.632	8.812.800	4.320.000	54.545.400	98.072.532
2	Đinh Tiên Hoàn	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	24.075.900	0	4.911.000	12.960.000	48.151.800	90.098.700
3	Nguyễn Đức Sinh	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	60.372.900	0	2.175.600	17.280.000	120.745.800	200.574.300
4	Nguyễn Duy Đồng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	34.643.100	181.232.009	20.131.000	0	69.286.200	305.292.309
5	Nguyễn Thị Hào	16 Nguyễn Khoái, TP. Quy Nhơn	34.221.300	0	13.431.000	0	0	47.652.300
6	Phạm Xuân Ngọc	72 Diên Hồng, TP. Quy Nhơn	36.863.100	0	1.328.400	0	0	38.191.500
7	Nguyễn Tấn Luận	455 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn	41.414.100	9.978.000	10.547.000	0	0	61.939.100
II	Bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với 03 hộ đã bồi thường, hỗ trợ trong phương án đợt trước							
1	Trịnh Thị Liệu	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	0	0	0	6.480.000	0	6.480.000
2	Lê Quốc Hưng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	0	0	0	4.320.000	0	4.320.000

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)					
			Bồi thường đất	Bồi thường vật kiến trúc	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Tổng
3	Nguyễn Văn Trọng	KV2, P. Ghềnh Ráng, TP Quy Nhơn	0	2.925.000	0	0	0	2.925.000
A	Tổng		258.863.100	197.256.641	61.336.800	45.360.000	292.729.200	855.545.741
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB (Ax2%)							17.110.915
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất (Bx10%)							1.711.092
D	Tổng cộng (A+B+C)							874.367.748

thư